CTCP Licogi 13 (HNX: LIG)

FireAnt

Ngày 31/03/2024	4,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.7%	**-6.8%**	**-10.9%**

ROE (2023): 0.2% | +/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần (*Q1/24*): 565 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 845 / ▼ 59.9% | YoY: ▲ 197 / ▲ 53.5%

DT thuần (*2023*): 3,321 *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 355 / ▲ 12.0%

LN gộp (*Q1/24*): 40.8 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 4.80 / ▲ 13.4% | YoY: ▲ 6.90 / ▲ 20.5%

LN gộp (*2023*): 81.8 *tỷ VNĐ* | YoY: ▼ 58.2 / ▼ 41.5%

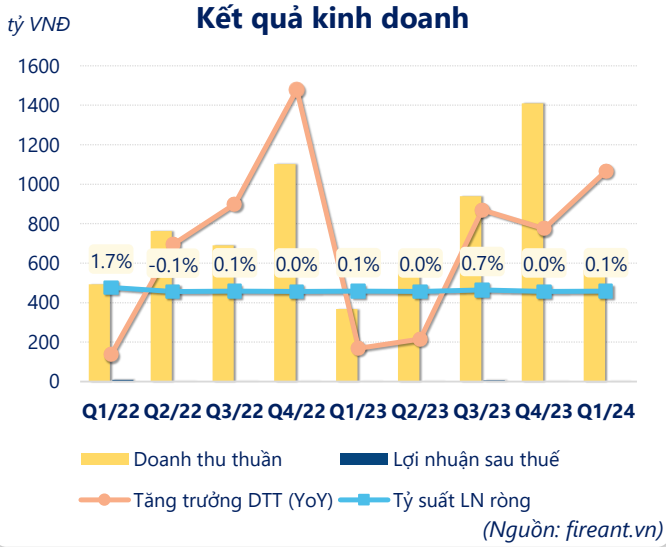
LN thuần (*Q1/24*): 1.27 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 2.24 / ▼ 63.9% | YoY: ▼ 0.08 / ▼ 6.1%

LN thuần (*2023*): 11.1 *tỷ VNĐ* | YoY: ▼ 7.30 / ▼ 39.8%

LN sau thuế (*Q1/24*): 1.19 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 1.05 / ▲ 749% | YoY: ▲ 0.52 / ▲ 77.4%

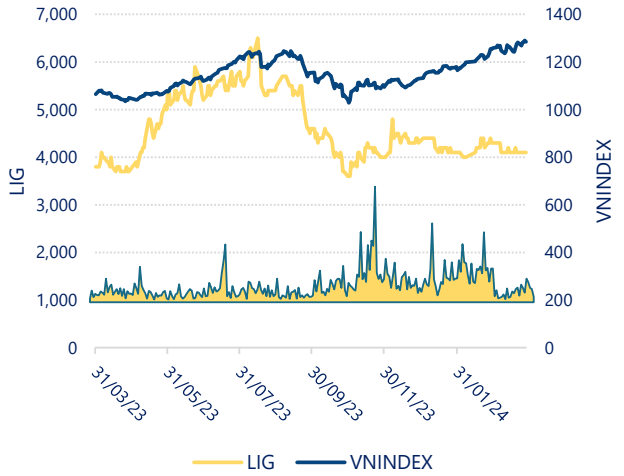
LN sau thuế (*2023*): 2.61 *tỷ VNĐ* | YoY: ▼ 6.42 / ▼ 71.1%

Kết quả kinh doanh



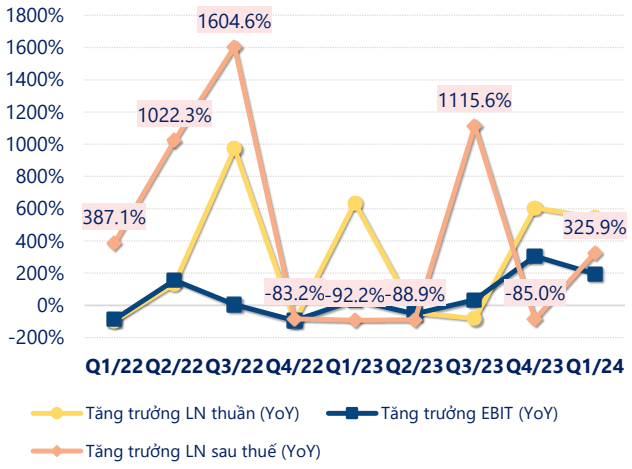
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



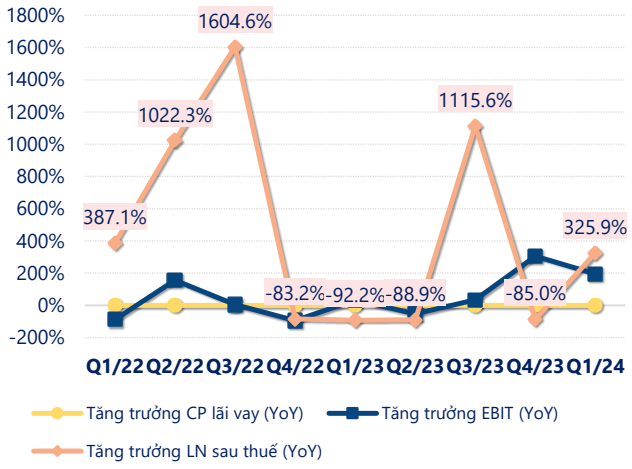
CTCP Licogi 13 (HNX: LIG)

Tăng trưởng lợi nhuận



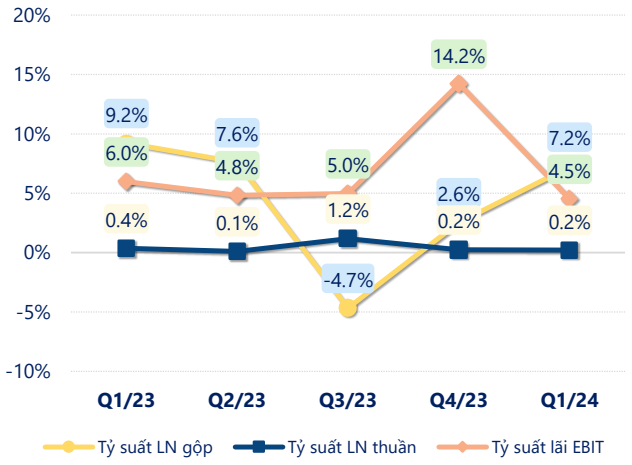
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



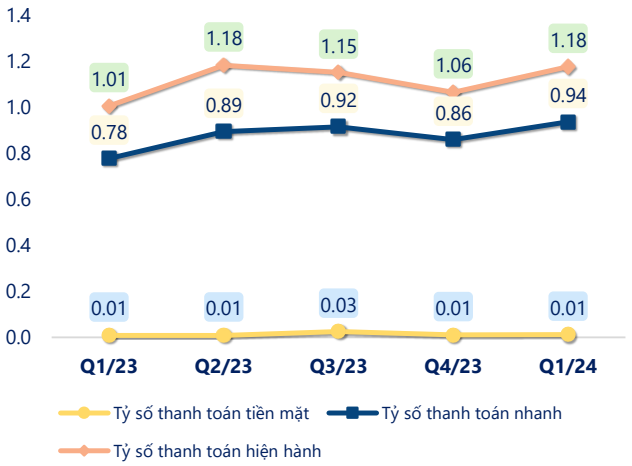
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



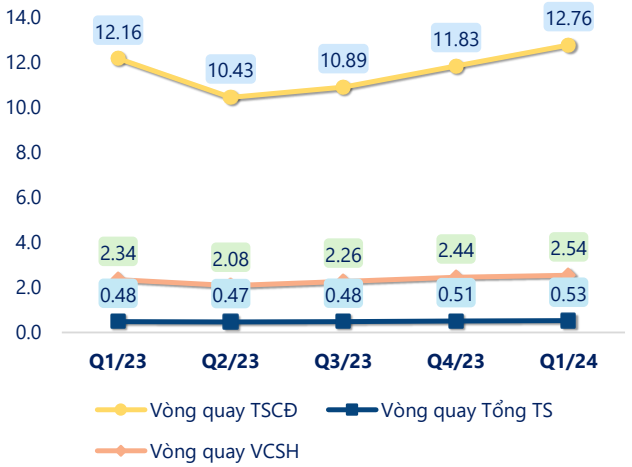
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



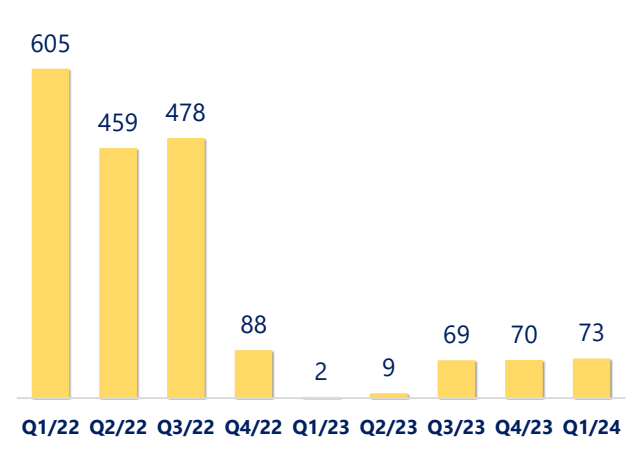
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

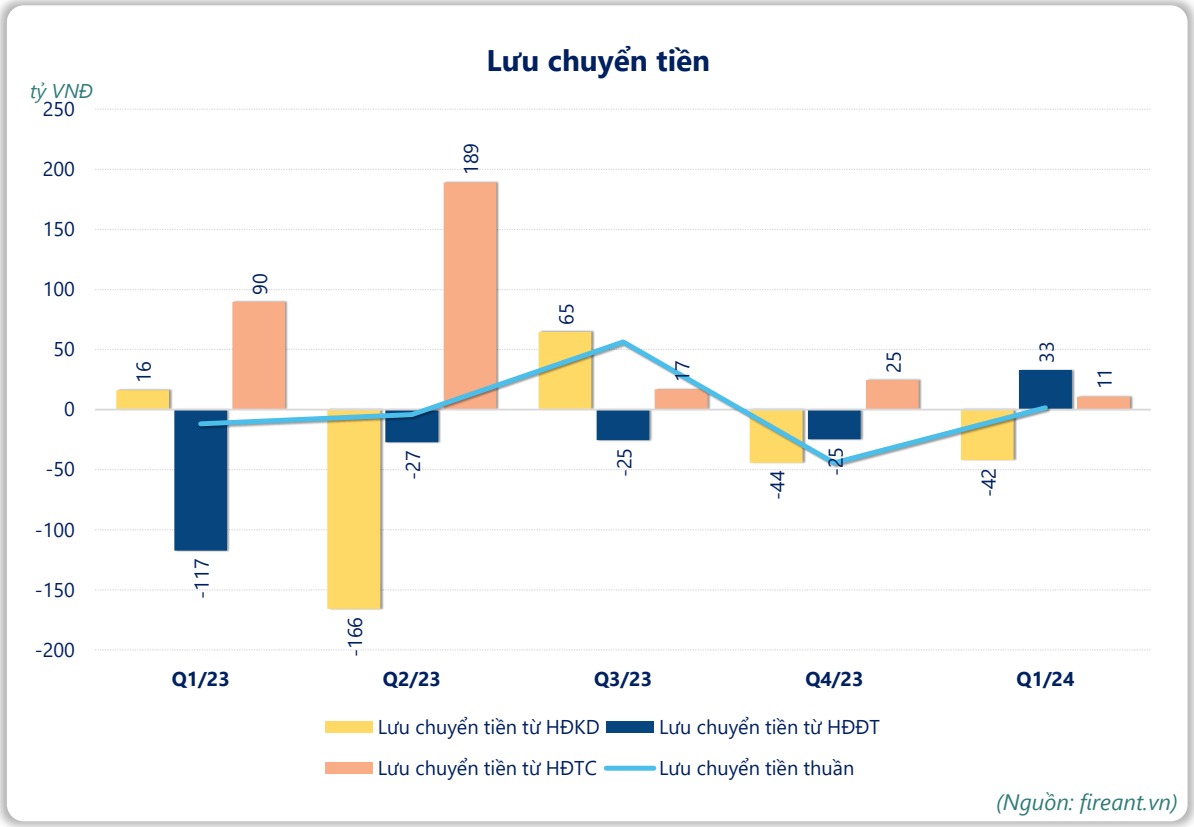


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Licogi 13 (HNX: LIG)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**565**	**368**	**53.5%**	**3,321**	**2,966**	**12.0%**
Giá vốn hàng bán	524	334	56.9%	3,240	2,826	14.6%
Lợi nhuận gộp	40.8	33.9	20.5%	81.8	140	-41.5%
Doanh thu HĐTC	0.36	7.60	-95.3%	316	67.0	372%
Chi phí TC	23.8	21.2	12.0%	285	98.6	189%
Chi phí lãi vay	23.8	21.2	12.0%	130	98.6	32.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.11	7.74	-98.6%	2.56	4.12	-38.0%
Chi phí QLDN	**16.1**	**11.2**	**43.4%**	**99.4**	**85.6**	**16.1%**
LN thuần từ HĐKD	1.27	1.35	-6.1%	11.1	18.4	-39.8%
Lợi nhuận khác	**0.51**	**-0.54**	**195%**	**-6.90**	**-2.76**	**-150%**
LN trước thuế	1.78	0.81	120%	4.21	15.7	-73.1%
Lợi nhuận sau thuế	**1.19**	**0.67**	**77.4%**	**2.61**	**9.03**	**-71.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.71**	**0.44**	**62.2%**	**2.92**	**7.58**	**-61.5%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)